

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09 -7-2018
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hương

Ông Nguyễn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Sương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 38/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/01/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày: Bà và ông Nguyễn Duy T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002, đến năm 2013 vợ chồng bà mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 204/2013 ngày 25/12/2013. Quá trình chung sống ông T lười lao động, thường xuyên say xỉn và hay bạo lực gia đình, cuộc sống vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau làm cho không khí gia đình căng thẳng, ảnh hưởng đến sức khỏe của bà và các con. Bà đã cố gắng bỏ qua để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng ông T vẫn không thay đổi. Nay, bà N nhận

thấy không còn tình cảm gì với ông T nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà N xác định giữa bà và ông T có ba con chung là Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 04/01/2002; Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 23/8/2004 và Nguyễn Duy T, sinh ngày 25/5/2006, bà N yêu cầu được nuôi ba con chung vì các con đều có nguyện vọng ở với bà và hiện bà đang nuôi dưỡng các con; bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có.

- Bị đơn ông Nguyễn Duy T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật để có sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà N vẫn giữ nguyên các nội dung yêu cầu khởi kiện về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện D tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: nguyên đơn bà N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Duy T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Nguyễn Duy T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D theo giấy chứng nhận kết hôn số 204/2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình chung sống, bà N và ông T nảy sinh nhiều mâu thuẫn, ông T không quan tâm, chăm sóc vợ con, hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột. Bà N cũng đã cố gắng cho ông T cơ hội để thay đổi bản thân nhưng ông T không có thay đổi nào tích cực dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện bà N và ông T không còn chung sống với nhau, vì vậy bà N yêu cầu được ly hôn ông T. Tòa án nhân dân huyện D nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa để tham gia giải quyết vụ án nhưng ông T vắng mặt, điều đó chứng tỏ ông T không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa ông và bà N. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh N đối với ông Nguyễn Duy T là có cơ sở cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Các con chung Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 04/01/2002; Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 23/8/2004 và Nguyễn Duy T, sinh ngày 25/5/2006 đều có nguyện vọng muốn ở với bà N và hiện bà N cũng là người đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Nên xét yêu cầu được nuôi các con chung của bà N là phù hợp nên cần giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông Tâm cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà N phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và **Điều 84** của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn ông Nguyễn Duy T.

2. Về con chung: Giao các con chung cháu Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 04/01/2002; cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 23/8/2004 và cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 25/5/2006 cho bà Nguyễn Thị Thanh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; ông Nguyễn Duy T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Duy T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi con chung, nếu xét thấy cần thiết bà N và ông T có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số **AA/2016/0018588 ngày 29 tháng 01 năm 2018** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Khánh Hòa; bà N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
 - VKSND huyện D;
 - Chi cục THA dân sự huyện D;
 - UBND thị trấn D
- (Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
 - Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Lệ